

Số: 17/2023/QĐST-DS

Cai Lậy, ngày 30 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Tiêu Thơ, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Công Em, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 95/2023/TLST-VDS ngày 14 tháng 3 năm 2023, về việc “Yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản để thi hành án”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 292/2023/QĐ-TA ngày 19 tháng 9 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Bà Lê Thị Kim E, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1976;

2. Ông Trần Văn Mỹ T, sinh năm 1968;

3. Chị Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 1996;

4. Anh Trần Văn C, sinh năm 2001;

5. Cháu Trần Văn T1, sinh năm 2007.

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của cháu T1: Ông Trần Văn Mỹ T, sinh năm 1968 và bà Lê Thị D, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, là cha mẹ của cháu T1, đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu bà Lê Thị Kim E yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định phần quyền sử dụng đất của bà Lê Thị D trong khối tài sản chung của hộ ông Trần

Văn M T là thửa đất số 572, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.051,5m², đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 751,5m², do ông Trần Văn Mỹ T đại diện hộ đứng tên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04009, cấp ngày 13/02/2006 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.354,3m², đất trồng cây lâu năm, ông Trần Văn Mỹ T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01001, cấp ngày 30/6/2015, để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nhận định:

[1] Về thẩm quyền và xác định yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Kim E yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản của bà Lê Thị D, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, để thi hành án. Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản để thi hành án*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Q và anh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Chủ tọa phiên họp tiến hành giải quyết vắng mặt chị Q và anh C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu của bà Lê Thị Kim E, thấy rằng:

Theo Bản án số 147/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim E số tiền 359.820.000 đồng và lãi chậm thi hành án.

Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xác định bà D có chung quyền sử dụng đất và chung hộ khẩu với ông Trần Văn Mỹ T ở ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bà D hiện tại không có tài sản riêng.

Hộ ông Trần Văn Mỹ T được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang công nhận quyền sử dụng thửa đất số 572 (Được chia tách từ thửa đất số 318, diện tích 2.300,9m²), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.051,5m², đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 751,5m², tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số H04009, cấp ngày 13/02/2006.

Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Mỹ T mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp cho Tòa án kèm theo Công văn số 1382/CNVPĐKĐĐ-TTLT ngày 21/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang, xác định được thửa đất số 572 (Được chia tách từ thửa đất số 318, diện tích 2.300,9m²), tờ bản đồ số 16 nêu trên, được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tài liệu cũ 299 sang số liệu đo đạc chính quy, cụ thể được cấp đổi từ thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.500m², đất trồng cây lâu năm, tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền

Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01847 QSDĐ/7, cấp lần đầu ngày 09/4/1997, do ông Trần Văn Mỹ T đứng tên.

Đối chiếu với quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai thì “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất” thì hộ ông T thuộc trường hợp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Mà tại khoản 9 Điều 3 Luật đất đai quy định “Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định”. Do đó, hộ ông Trần Văn Mỹ T được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là hộ được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 09/4/1997, không phải hộ của ông T tại thời điểm cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/02/2006. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 09/4/1997, được cấp cho ông Trần Văn Mỹ T, không phải cấp cho hộ, nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà D theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông T, bà D xác định nguồn gốc quyền sử dụng đất do cha mẹ của ông T cho, không phải do vợ chồng tạo lập, nên xác định quyền sử dụng của ông T 02 phần, quyền sử dụng của bà D 01 phần trong thửa đất số 572 nêu trên.

Tại phiên họp, ông T cũng đồng ý xác định quyền sử dụng của ông T 02 phần, quyền sử dụng của bà D 01 phần trong thửa đất số 572 nêu trên.

Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.354,3m², đất trồng cây lâu năm, tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01001, cấp ngày 30/6/2015, do ông Trần Văn M Thuận đứng tên, theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Mỹ T mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp cho Tòa án kèm theo Công văn số 1382/CNVPĐKĐĐ-TTLT ngày 21/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang, xác định được thửa đất số 57 nêu trên, ông T được nhận thừa kế từ cha của ông T là cụ Trần Văn S. Tuy nhiên tại phiên họp, ông T đồng ý xác định bà D có quyền sử dụng 1 phần 5 đối với thửa đất số 57 nêu trên.

Như vậy có đủ cơ sở xác định bà D có quyền sử dụng 1 phần 3 đối với thửa đất 572 và có 1 phần 5 đối với thửa đất số 57 nêu trên.

Xét ý kiến phát biểu về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Về lệ phí: Bà Lê Thị Kim E phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, các điều 149, 227, 228, 361, 367, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 9 và 29 Điều 3, các điều 166, 170, 179 của Luật đất đai; Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim E.

Xác định bà Lê Thị D có quyền sử dụng 1 phần 3 đối với thửa đất số 572 (Được chia tách từ thửa đất số 318, diện tích 2.300,9m²), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.051,5m², đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 751,5m², tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số H04009, cấp ngày 13/02/2006, do hộ ông Trần Văn Mỹ T đứng tên.

Xác định bà Lê Thị D có quyền sử dụng 1 phần 5 đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.354,3m², đất trồng cây lâu năm, tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01001, cấp ngày 30/6/2015, do ông Trần Văn Mỹ T đứng tên.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Kim E phải chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Bà Kim E đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0017331 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên bà Kim E đã thi hành xong lệ phí.

Bà Kim E, ông T và bà D có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Chị Q và anh C có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lê Công Vĩnh Đức